TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:166*/2024/HNGĐ - ST*
Ngày: *09 - 12 - 2024*
V/v tranh chấp *"Ly hôn,nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Lê Minh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 517/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Biện Thị Hồng Đ, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Số 163/11 ấp TP, xã HP, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh Trương Minh T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số 57 tổ 4, ấp LH, xã HP, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2024 và tại phiên tòa – nguyên đơn chị Biện Thị Hồng Đ trình bày:

Chị Đ và anh Trương Minh T kết hôn vào ngày 03/5/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng

thường xuyên cự cãi, nên chị Đ và anh T đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Trương Minh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 24/9/2018 và Trương Ngọc Mỹ T sinh ngày 17/06/2020. Từ năm 2022 khi anh T và chị Đ sống ly thân thì anh T nuôi dưỡng cháu T, chị Đ nuôi dưỡng cháu T. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trương Ngọc Mỹ T và giao cháu Trương Minh T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ T.

- Về tài sản chung: Chị Đ không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

***** Bị đơn anh Trương Minh T trình bày:

Anh T và chị Biện Thị Hồng Đ kết hôn vào ngày 03/5/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoà Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, nên anh T và chị Đ không còn sống chung với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 24/9/2018 và Trương Ngọc Mỹ T sinh ngày 17/06/2020. Từ năm 2022 khi anh T và chị Đ sống ly thân thì anh T nuôi dưỡng cháu T, chị Đ nuôi dưỡng cháu T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp chị Đ đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung thì anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/tháng/con từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi

- Về tài sản chung: anh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "ly hôn, nuôi con", do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Hoà Phú, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy giấy chứng nhận kết hôn số 30/2017 ngày 03/5/2017 của Uỷ Ban nhân dân xã Hoà Phú, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Biện Thị Hồng Đ và anh Trương Minh T là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đồng ý thuận tình ly hôn với chị Đ. Xét thấy, sự thoả thuận thuận tình ly hôn của chị Đ và anh T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Biện Thị Hồng Đ và anh Trương Minh T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Minh T, sinh ngày 24/9/2018 và Trương Ngọc Mỹ T, sinh ngày 17/06/2020.

Xét, yêu cầu của chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Ngọc Mỹ T và giao cháu Trương Minh T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: từ năm 2022 đến nay, khi chị Đ và anh T đã sống ly thân với nhau thì cháu Trương Minh T được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu Trương Ngọc Mỹ T được chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, bảo đảm được sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục con từ vật chất đến tinh thần của các cháu sau khi ly hôn, nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về về Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Trương Minh T, sinh ngày 24/9/2018 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu Trương Ngọc Mỹ T, sinh ngày 17/06/2020 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ T, anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi cháu Minh T, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Đ và anh T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị Đ và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Biện Thị Hồng Đ phải chịu 75.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Anh Trương Minh T phải chịu 75.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về về

Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Biện Thị Hồng Đ và anh Trương Minh T.

2. Về con chung:

+ Giao cháu: Trương Ngọc Mỹ T, sinh ngày 17/06/2020 cho chị Biện Thị Hồng Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Giao cháu: Trương Minh T, sinh ngày 24/9/2018 cho anh Trương Minh T tiếp tục nuôi dưỡng

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Mỹ T, anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi cháu Minh T, nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Đ và anh T không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Biện Thị Hồng Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001559 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ; chị Đ được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Trương Minh T phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Biện Thị Hồng Đ, anh Trương Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chị cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú